

Họ tên	Bộ phận	1	2	5	6	7	8	9	12	13	14	15	16	19	20	21	22	23	26	27	28	Tổng
LÊ HỮU PHONG	KSNK	8.4	8.17	8.27	8.33	8.3	8.33	8.37	8.3	8.27	8	8.27	7.93	8.23	7.63	8.43	8.3	8.37	8.23	8.3	5.5	20
TRẦN TUẤN ANH	KSNK	8.47	8.27	8.33	8.3	8.03	8.27							8	8.37	8.2	8.17	8.27	8.3	8.47	5.3	14
VANG VĂN Ý	KSNK	8.13	3.1			7.1	7.4	7.73		7.73		7.83	7.57	7.3	5.5	7.97	7.63	7.77		7.67	4.7	15
TỔ KSNK Count	3																					
LA THỊ OANH	TCKT	8.1		8.17	8.27	8	8.1	8.2	8.1	8.07	7.97	7.87	7.93						3	8.3	5.2	14
LA BÁ HÙNG	TCKT	7.97	6.3	8.07	8.07	8.23	8.1	7.93	8.07	8.13	8.17	8.03	7.93	7.97	7.87	7.97	8.1	7.97	8.13	8.23	5.53	20
NGUYỄN THỊ HỒNG SƠN	TCKT	3.87	8.17	8.2	8.07	8.03	8.23		8.17	7.9	7.8	7.83	7.93	8.03	7.9	7.73	7.83	7.73	4.13	8.23	5.07	19
LƯƠNG QUÝ MẠNH	TCKT	7.77	7.8		8.03	8.07	7.97	7.9	7.63	7.43	7.93	8.07		7.53	8.13	8	7.93	8.07	8.1	7.9	5.03	18
Phòng TCKT Count	4																					
NGUYỄN HỒNG LÂM	KHTH			8.33	8.1	8.3	8.4	8.47	5.13	7.97	8.37	5.5	5.37	8.17	8.17	8.13	5.43	8.27	8.27	8.23	5.47	18
Phòng KHTH Count	1																					
LƯƠNG THỊ THƯƠNG	KKB																					0
LƯƠNG HUỖNH ĐỨC	KKB	9.07	9.1	5.8		8.4	8.43	8.3	7.97		8.2	7.6	8.17		8.67							11
HỒ Y CHÙA	KKB	7.57	6.73		8.07	7.6	7.17	3.83	3.3	7.6	5.47		3.4	7.33	7.97	3.43	8.27			8.13	4.87	16
CỬ BÁ GIỜ	KKB	7.63	8.33	8.17	7.97	7.73	7.9	1.7	8.27	8.77	8.3	4.27	8.23	7.77	7.93	7.87	8.3	7.8	8.2	8.4	5.4	20
NGUYỄN THỊ HUỆ	KKB																					0
LỮ THỊ THẢO	KKB	8.03	8.03		8.1	8	7.97	8	8.3	8.23	3.97	7.87	8.1	7.83	8.17	4.2	8.37	8.1		3.87	5.1	18
KHA THỊ HẢI	KKB	7.63	2.73	7.67	7.53	2.73	7.13	5.9		7.4	7.27	7.27	4.7	7.7	2.77		7.33	7.13	3.13	7.93	3.4	18
PHẠM THỊ HỒNG THẨM	KKB	8.17	8.73		8.37	8.3	8.47			2.97	8.23	8.17	4.9	8.2	8.27	8.13	8.23	7.93	8.17	8.3	5.13	17
LÊ THỊ THÚY	KKB																					0
LẦU BÁ LẦU	KKB	8.03	7.43	8.2	8.23	7.83	8.07	3.47	7.67	7.97	7.97	7.93	8.13	8.13	4.53		8.1	7.3	8.17	8	5.17	19
LÔ THỊ CÚC	KKB	8.27		8.87	7.4									8.17	7.3	8.4	8.23	5.33	8.3	8.7	5.7	11
MOONG VĂN SƠN	KKB	7.87	8.17	8.07	8.13	8	8	8	8.2	8.13	7.93	7.97		7.77	8	7.93	5.6	4.47	8.03	7.17	4.97	19
CẦM THỊ DẪN	KKB	8.27	7.57	7.77	7.83	8.57	8.4	8.13	8.07	7.7	7.97	8.67	4.57							7.73	5.03	14
Khoa Khám Bệnh Count	13																					
LẦU Y XÀI	Dược	7.73	8.03			2.93	7.7	7.7	8.17	7.87	7.83	7.27	7.9	7.9	7.1	6.93	7.37	6.43	7.6	7.03	5.5	18
LỘC THỊ HƯỜNG	Dược	8.23	6.83	8.23	8.13	8.3	8.23	4.07	2.87	8.33	8.17	8.1		8.07	8.1	8	5.03	7.13	8.1	8.33	5.27	19
ĐỖ NGỌC TÚ	Dược	7.97	8.13	7.73	7.9	7.93	7.83	8	7.93	6.13	7.83	7.83	7.83	7.63	7.97	7.9	7.77	8	8.07	8.23	4.8	20
NGUYỄN TIẾN HÙNG	Dược	4.2		8.33	8.2	8.3	8.2	3.53		8.1	5.5	8.27		8.2	8.27	8.37	5.33	4.87	8.33	8.17	5.17	17
KHA THỊ DUNG	Dược	8.13	8.13	7.83	7.87	7.47	7.67	7.83	8.2	7.83	7.63	7.87	8.07	8.07	7.93	7.53	8.2	8.03	4.07	4.47	5.37	20

NGUYỄN THỊ NGUYÊN	Dược	7	6.97	7.37	7.73	7.27	7.3	6.6	7.27	6.73	6.83	6.83		6.67	7.1	7.23	6.77	6.6	7.23	7.23	4.63	19	
Khoa Dược Count		6																					
VI ĐẠI TIẾN	Ngoại								8.43	8.03	8.8	7.93	8.13	8.33	8.17	8.33	8.3	8.2	8.13	8.13	5.4	13	
LÔ THỊ KÈO	Ngoại																					0	
VI THỊ ĐÍ	Ngoại	8.27	8	7.73	7.5		8.27	7.63	7.83	7.47		7.47	8.03	8.03	7.77	7.93	7.97	7.5	8	8.53	5.27	18	
VI THỊ VÂN	Ngoại	4.13	8.43	8.43	8.37	8.37	7.23	8.27	8.63	8.33	7.57	8.27	8.1	8	8.43	8.23	8.53	8.23	8.27	8.3		19	
GIÀ Y TRÀ MY	Ngoại	7.87	7.6	7.9	8.17	7.73	8.2	8.2	8	8.13	8.2	7.63	7.97	8.13	7.07	8.23	7.8	7.2	8.17	8.1	5.2	20	
GIÀ Y LÝ	Ngoại	8.3	8.2	8.27	7.53				8.13	8.23	7.73	8.2		8.2	5.43	8.1	8.23	8.23	8.7	8.17	5.57	16	
LƯƠNG THỊ HUYỀN THẢO	Ngoại	7.87		8.2	7.27	8.07	4.3		8.1	4.73			4.6	4.7	7.3	7.47	8.27	8.47	8.2	8.17	4.43	16	
VI THÁI BÌNH	Ngoại	8.63	8.1	3.33	8.2	8.1	5.5		8.23		8.1	8.3	5.33	8.4	7.6	8.5	7.73	8.03	8.07	8.2	5.4	18	
VI VĂN HÙNG	Ngoại	8.57	8.47	8.27	8.5	8.63	8.5	8.33	5.3	8.2	8.13	8.27	8.57	8.5		8.6	8.3	8.53	8.2	8.43	5.67	19	
LƯƠNG ĐÌNH ĐẠT	Ngoại	8.57	8.6	3.33	8.63	8.43	5.77	8.83	4.33	9.03	8.6	8.43		9	8.67	8.77	8.47	8.5	8.47	8.67	5.2	19	
HỒ THỊ HÒE	Ngoại			7.97	8.43	8.33	4.23				7.57			2.87	8	8.33	5.87		8.23	8.47	5.53	12	
NGUYỄN PHÙNG TOM	Ngoại	8.77	8.8	8.27	8.1	8.3	8.73	2.3	8.67	8.33	5.2	9.1	7	8.63	8.77	8.67	8.9	5.1	8.2	8.37	5.2	20	
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	Ngoại	5.33	4.43	8.07	3.73	8.27	8.27	3.5	8.1	8.13	7.93	8.2	7.87	8.27	8.17	8.2	8.07	4.43	8.17	8.17	5.27	20	
KHA THỊ TÂM	Ngoại	8.33	8.37	8.5	8.4									8.33	5.53	8.57	3.07		8.33	8.53	5.1	11	
KHA VĂN KHÁNH	Ngoại	4.23		3.83	8.23				4.53	8.37	8.1	8.2	5.23		8.37	8.3	8.13	8.2		8.07	5.6	14	
MÙA Y DÌA	Ngoại	7.67	8.27	8.03	4.73							3.37	6.93	3.3	6.97	7.33	4.87	8.07	7.87	8.4	5.9	14	
NGUYỄN TIẾN DŨNG	Ngoại		8	8.1	8.07	8.13	8.3	8.3	8.3	7.97	8.33	8.33	8.5	8.73	8.17	8.4	8.5		8.1	8.13	5.43	18	
VI KHẮC TIỆP	Ngoại	2.77	8.2			8.53	8.57	8.47	8.5		8.47	4.07	3.47		5.53	8.27	7.87	7.83	8.5		4.93	15	
LÔ THỊ HẠNH	Ngoại	8.37	8.37	8.47	9.33	8.3	8.33	4.23	8.17	8.23	8.33	8.23	8.33	8.27	8.1	8.3	8.3	8.3	8.83	8.13	5	20	
Khoa Ngoại 3CK Count		19																					
NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nội Nhi		8.03	8.27	8.4	8.03	7.8	8	8.1	8.4		8.33	8.13	8.23	8.27	8.2	8.17	8.03	7.9	8.37	5.3	18	
VI THỊ KIM	Nội Nhi				5.4		1.9		7.33													3	
VỪ BÁ CỜ	Nội Nhi	8.03	5.03	7.67	7.73		7.97	8.23	7.67	7.9	7.8	7.73	8.03	4.83	8.3	7.93	7.87	7.57	8.07	8	5.07	19	
VI THỊ HẢI	Nội Nhi	7.47	7.4	7.57	7.6	7.73	7.6	3.53	7.67	7.5	7.27	7.4		3.77	6.97		7.67	7.5	7.93	7.77	4.93	18	
LÔ THỊ TIẾN	Nội Nhi	8.37	5.4	8.3		8.33	8.33	8.23	8.37	8.33	5.27	8.3	8.3	8.37								12	
MOONG BÁ HỢI	Nội Nhi	8.43	7.47	8.33	8.4	8.37	4.6	8.4	8.4	8.3	8.23	8.1	7.1	3.03	8.33	8.1	8	8.33	7.93	8.33	5.37	20	
VÀ Y LỆ	Nội Nhi	8.4	8.17	8.37	8.43	8.37	8.37	8.33	8.43	8.37				8.13	8.1	8.37	8.4	8.33	8.3	8.33	5.5	17	
XÔNG BÁ TỬA	Nội Nhi	8.63	5.47	8.43	8.27	8.27	8.53	4.17	8.4	8.73	8.13	8.4	3.97	8.37	8.37	4.4	8.33	7.4	8.4	8.33	4.53	20	
VỪ BÁ TU	Nội Nhi	8.37	8.43	7.63			8.03	8.23	8.23	8.03	8.2	8.3	3.7	8.03	8.27	7.93	8.27	7.3	4.3		5.5	17	
KHA BÚN MY	Nội Nhi	8.1	8.53																8.53	7.7	5.4	5	

LƯƠNG VĂN HOÀNG	Nội Nhi																						0
LƯƠNG THỊ HẰNG	Nội Nhi												3.2										1
LẦU Y GIỜ	Nội Nhi	8.3	3.13	8.23	7.43	6.9	8.3	8.17	8.3	8.17	8.2	7.23	7.13	7.57	7.43	8.2	5.1	7.6	7.9	8.17		19	
HỒ Y SÙA	Nội Nhi	8.33	7.87	8.3	5.33	7.93	7.83	7.77	1.43	7.83	7.73	7.93	6.4	7.77	8.03	7.8	7.53	6.73	8.63	8.13	5.67	20	
ĐẶNG THỊ LƯƠNG	Nội Nhi	8.37	8.37	8.27	8.27	8.3	8.27	8.2	8.3	8.2	5.4	8.33	8.2	8.33	8.33	8.33	8.07	8.3	8.27	8.33	5.37	20	
VỪ BÁ PHIA	Nội Nhi																						0
VŨ THỊ ÁNH	Nội Nhi																						0
LƯƠNG XUÂN QUY	Nội Nhi								5.5														1
NGUYỄN THỊ HẠNH	Nội Nhi	8.23	4.37	8.2	8.3	8.4	8.2	4.33	8.17	8.3	8.17	8.6	6.77		8.27	8.2	8.03	4.07	2.6	8.2	5.93	19	
NGUYỄN KHẮC LÂM GIANG	Nội Nhi	8.1		8.13	2.87	8.03	7.97		8.2	8.33	8	8.37		8.1	8.27	8.17	8.13	8.23		8.27	5.3	16	
LÊ THỊ HIỀN	Nội Nhi	8.27	4.37	8.3	8.23	8.23	8.37	4.4						8.2	8.2	5.6	8.1	8.27	2.53	8.3	5.23	15	
NGUYỄN VĂN NGA	Nội Nhi	8.17	8.13	8.13	7.93	8.23	8.23	8.13	8.17	8.03	8.13		8.17	8.23	8.23	8.2	8.2	8	8.03	8.23	5.47	19	
VÕ THỊ THẨM	Nội Nhi	8.23	4.4	8.03	7.87	7.93	8.33	8.27	5.87	3.7	7.67		8.4	8.23	8.23	7.77	8.23		6	8.1		17	
LÔ THỊ HẰNG B	Nội Nhi	8.83	6.97	8.27	8.3	8.17	8.67	8.13	8.33	8.77	8.3	8.7	8.3		7.9	8.37	8.27	8.37	7.9	8.33	5.5	19	
ĐOÀN ĐẠI PHÚC	Nội Nhi																						0
KHA THỊ HÀ	Nội Nhi	8.2		8.3	8.1	8.43	8.53	8.13	8.3	8.33				7.93	7.7			7.7		7.73	6.2	13	
VI VĂN KHƯƠNG	Nội Nhi																						0
KHA THỊ THỦY	Nội Nhi	7.9	8.03	7.97	7.53	8.3	8.3	8	8.2	3.57	8.83	4.07	7.3	5.37	8.13	7.7	7.53		5.13	8	5.47	19	
Khoa Nội Nhi Count		28																					
Vi Thị Hồng	CSSKSS	8.23	8.1		7.5	7.3	8.27	8.23				6.97	7.23	8.1	6.93	4.57	7.23	4.03	4.23	7.8	7.67		16
LÔ THỊ HẰNG A	CSSKSS																						0
LỮ THỊ HƯƠNG	CSSKSS	7.53	5.4	8.4	7.77	3.6	5.5	7.8	5.4	7.6	8.07	7.53	8.2	8.17	7.9	8.2	7.83	5.57	8.23	8.33	3.3	20	
LƯƠNG THỊ THẨM	CSSKSS	8.6	5.47		7.5	8.37	8.37	4.8	8.37	8.3	8.63	8.4		3.07	8.23	9	8.43	4.57	8.3	8.8	5.47	18	
LẦU Y CHIA	CSSKSS	7.43	8.7	7.57	7.6	7.67	7.83	8.43	7.33	8.37	8.27	7.83	8.33	7.43	7.7	7.4	8.27	8.07		5.33	5.5	19	
VỪ BÁ CA	CSSKSS	7.77	4.07	3.77	8.4	2.77	8.07	8.17	7.83	8.07	7.97	7.8		7.97	3.77	8.27	8.03	5.2	8.13		5.2	18	
VI THỊ LÊ	CSSKSS		8.13	7.5	7.57	8.4	7.8	5.73	7.43	7.53	8.3	7.63	7.1	8.23	4.13	8.5	4.2					15	
LÔ THỊ HOA	CSSKSS																						0
VỪ Y XỬ	CSSKSS	8	8.4	8.43	7.63	8.4	7.6		8.3	8.77	7.7	8.2	8.3	8.37	8.17	7.97	4.6	8.27	8.37	4.3		18	
CAO THỊ MINH HIỂN	CSSKSS	8.2	8.17	8.23	7.97									8.1	7.97	8.1	8.1	8.07	5.27	8.33	1.17	12	
LÔ VĂN HẢI	CSSKSS	8.4	8.13		8.5		2.7	8.5	8.2		8.43	8.33	8.3	8.3	8.13	8.1	8.1	8.43	8.57	8.27	5.27	17	
VI THỊ CHUYÊN	CSSKSS	4.53	5.17	7.07	4.47	8.33	8.27	8.27											8.2	8.33	5.4	10	
VI THỊ UYÊN	CSSKSS	8.3	4.87	8.47	4.23	7.63	8.43	8.13	7.5	7.6	7.7	4.03	8.4	5.87		8.23	7.63	8.07		7.67	4.13	18	

NGÔ THỊ DUYỄN	CSSKSS	3.57	7.67	7.83	8.07	8.83	7.83	7.8		7.73	8.77	7.77	4.57		8.57	3.43	8.43	5.43	8.47	4.6	5.53	18
MOONG THỊ THỦY TIÊN	CSSKSS	7.77	4.3	3.13	7.77	8.3	8.27	8.23	8.17	3.2	8.23	4.4		8.23	4.6	8.3	5.17		8.33	3.47		17
VY THỊ COÓNG	CSSKSS	8.3	8.53	9.17	8.27	7.93	8.37	4.53	8.4	4.7	8.17	8.3	4.3	7.47	4.37	8.33	8.13	8.5	7.93	8.63	5.57	20
Khoa CSSKSS Count		16																				
VỪ Y ĐĨA	Lây	7.67	5.37	8.17	6.4	7.8	8.43		7.53	3.73	7.83	8.23	8	8.97	8.2	8.63	8.2	8.37	5.7	8.57	5.2	19
NỘC VĂN HẰNG	Lây	8.3	8.37		8.27	8.43	8.37	8.23	8.4	8.4	8.23	8.43	8.4	8.37	8.4	8.37	8.33	8.37	8.47	8.7	5.37	19
NGUYỄN BẢO TRUNG	Lây	8.37	8.63	8.37	8.6	8.33	8.23	8.23	8.53	8.13	8.33	8.47		8.2	3.63		8.3	8.53	8.2	8.43	5.83	18
NGUYỄN THỊ KIM LÂM	Lây	8.13	8.33	8.53	8.27	7.77	4.3	3.37	8.57	8.37	8.3	8.1	8.4	8.33	7.7	8.3	8.23		8.47	8.7	5.83	19
LÊ THỊ THU PHƯƠNG	Lây	4.37	8.33	8.33	8.27	8.47	8.37	8.37	5.47		8.33	8.37		8.3	8.3	8.4	8.33		8.33	5.43	5.53	17
LA THỊ LƯƠNG	Lây	8.43	8.23	5.4	8.07	8.23	8.17	8	8.43	8.2	8.07	8.13	8.47	8.23	8.13	8.27	4.23		8.2	8.37	5.13	19
LÔ THỊ KIM CHI	Lây				8.27	8.17	4.77	8.23		7.03			8.23	6.93	4.07	4	8.5		8.13		5.07	12
ỐC THỊ CHIẾN	Lây	7.83	8.43	7.67	4.43	7.83	8.43	8.3	7.87		5.43	8.3	7.73	7.63	7.7	8.3	7.8	7.97	8.33	8	5.37	19
Khoa Lây Count		8																				
VỖ THỊ NGÂN	HSCC	8.1	8.17	8.07	8.1	8.07	8.27	7.67	7.97	8.17	7.47	7.87	8.13	8.07	7.9	7.93	8.17	8.17	8.17	8.27	5.37	20
LỖ Y XÔNG	HSCC	8.03	7.1	7.7	7.97	8.13	8.3		7.93	8.13	7.9	8.07		8.6	8.2	8.5	8.1	7.27	8.27	7.97	5.2	18
MOONG THỊ CHẨN	HSCC	8.13	3.87	7.9	8.2	8.17	8.3	8.3	8.23	8.17	8.23	7.9	8.27	8.17	8.23	8.2	8.03	8.13	7.77	8.3	5.33	20
VỪ BÁ NHÀ	HSCC	8.3	8.2	8.3	5.63	8.4	8.03	4.63		8.23	7.77	8.2		8.07	8.23	8.1	5.53	3.1	8.7	4.4	5.73	18
LƯƠNG THỊ NGỌC	HSCC	8.4	8.17		8.13	8.5	8.43	8.23	7.97	8.3	8.23	8.2	3.57	4.6	8.33	8.2	8.3	4.93	8.23	8.27	5.37	19
XEO THỊ MÂY	HSCC	4	3.2		4		3.53	3.03		3.63	3.47	3.5	2.97	3.33	3.43		4.43	4.17	4.23			14
NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	HSCC	8.43	8.33		8	8.33	4.4	8.23	8.23	8.3	8.03	8.13										10
LÔ VĂN CHÔM	HSCC	8.2	8.2		8.07	8.23	8.2	6.7	4.2	8.17	4.5	8.3	7.9	7.93	8.07	8.17	8.07	8.17	8.27	8.33	4	19
HỒ HỒNG HẢI	HSCC	7.83	8	8.13	5.6	7.67	3.03		7.77	7.93	8.1	5.17	7.17	8.27	7.9	8	7.77	8	7.9	3.67		18
KHA THỊ MY LY	HSCC	8.23	8.2	8.47	8.27	8.3	8.2	8.3	8.23	8.4	8.13	4.2		8.3	8.23	8.33	8.3	8.3	8.23	8.7	5.37	19
LẦU BÁ CHÒ	HSCC	8.17	8.37	8.53	5.5	7.7	8.43	4.93		8.4	8.07	7.77		8.37	7.73	7.7	7.67	4.13	8.27	8.93	5.23	18
BÙI ĐĂNG PHƯỢNG	HSCC	7.93	7.97	7.77	7.8	4.6	8.23	7.97	7.83	8.1	8.17	8.17	8.13	7.93	8.07	7.9	7.97	8.27	4.17	8.07	5.33	20
LÔ VĂN PHÚC	HSCC	8.2	8.1		8.3	8.13	8.07	8.1	8.13	3.57	8.23	8.47	8.2	5.33	8.3	8.1	8.27	8.27				16
Khoa HSCC Count		13																				
LÔ VĂN BA	CLS	8.1	8.23	8.1	8.27	8.07	7.97	8.17	8	8.07	7.93	8.13		8.07	8	7.83	5.23	5.23		8.23	5.23	18
LÔ THỊ MỸ KIM	CLS	8.1	8.37	8.13	7.6	8.1	8.2	8.13	8.03	8.07	8.13	8.13	8.3	8.2	8.07	8.17	8.23	8.2	8.17	8.33	5.27	20
LƯƠNG PHI HÙNG	CLS	8.13	8.17	8.17	8.2	8.27	8.2	8	8.2	8.07	8.07	8.47	5.43	8.2	8.2	8.17	8.4	8.27	8.33	8.33	5.53	20
MOONG THỊ NGỌC	CLS	2.53	7.27	6.87	7.4		4.1			3.03	7.1		1.1									8
LỮ VĂN GIANG	CLS	8.2	8.17	8.17	7.83	7.87	8.17	7.97	8.13	8.2	7.83	8.13	8.07	8.27		8.23	8.37	7.97	7.87	8.13	5.37	19

